



## BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

Tại ngày 06 tháng 10 năm 2026 / As at 06 Oct 2026

|                                                               |                                                                                                      |
|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1 Tên Công ty quản lý quỹ:</b><br>Fund Management Company: | <b>Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital</b><br>VinaCapital Fund Management Joint Stock Company    |
| <b>2 Ngân hàng giám sát:</b><br>Supervisory bank:             | <b>Ngân Hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)</b><br>Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited |
| <b>3 Tên Quỹ:</b><br>Fund name:                               | <b>QUỸ ETF VINACAPITAL VNMITECH</b><br>VINACAPITAL VNMITECH ETF                                      |
| <b>4 Mã chứng khoán:</b><br>Securities Code:                  | <b>FUEMITEC</b><br>FUEMITEC                                                                          |
| <b>5 Ngày lập báo cáo:</b><br>Reporting Date:                 | <b>07 tháng 10 năm 2026</b><br>07-Oct-26                                                             |

Đơn vị tính/ Currency: VND

| STT No.  | Chi tiêu Criteria                                         | Mã số Code | KỲ BÁO CÁO THIS PERIOD 06/10/2026 | KỲ TRƯỚC LAST PERIOD 05/10/2026 |
|----------|-----------------------------------------------------------|------------|-----------------------------------|---------------------------------|
| <b>1</b> | <b>Giá trị tài sản ròng Net Asset Value</b>               |            |                                   |                                 |
| 1.1      | của quỹ/ of the Fund                                      |            | 63,593,920,146                    | 63,776,511,323                  |
| 1.2      | của một lô chứng chỉ quỹ ETF/ per lot of Fund Certificate |            | 871,149,591                       | 873,650,840                     |
| 1.3      | của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate               |            | 8,711.49                          | 8,736.50                        |

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát**  
Authorised Representative of Supervisory Bank



**Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)**  
**Nguyễn Thùy Linh**  
Phó phòng Dịch vụ nghiệp vụ giám sát Quỹ

**Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ**  
Authorised Representative of Fund Management Company



**Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital**  
**Brook Colin Taylor**  
Tổng Giám Đốc